



Câu I: (3,00 điểm)

- Quy luật địa đới thể hiện qua sự phân bố sinh vật ở nước ta như thế nào?
- Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy so sánh sự khác biệt trong chế độ nhiệt giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc của nước ta. Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?

Câu II: (3,00 điểm)

- Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG PHÂN THEO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị tính: nghìn người)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
TỔNG SỐ	49048,5	51422,4	52744,5	53302,8	54249,4
Kinh tế Nhà nước	5017,4	4991,4	4866,8	4698,6	4523,1
Kinh tế ngoài Nhà nước	42304,6	44192,9	45025,1	45016,1	45187,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1726,5	2238,1	2852,6	3588,1	4538,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2019: <https://www.gso.gov.vn>)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích về tổng số lao động và tình hình sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế giai đoạn 2010 - 2018.

- Phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo giới và các vấn đề kinh tế xã hội của nước ta.
- Dựa vào atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày và giải thích đặc điểm mạng lưới đô thị nước ta.

Câu III: (2,00 điểm)

- Dựa vào atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh sản xuất lúa của nước ta đạt nhiều thành tựu.
- Phân tích các yếu tố tác động đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

Câu IV: (2,00 điểm)

- Cho bảng số liệu sau đây:

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA VIỆT NAM

Sản phẩm	2005	2010	2015	2018
Than (triệu tấn)	34,1	44,8	41,7	42,0
Dầu thô (triệu tấn)	18,5	15,0	18,7	14,0
Điện (tỉ KWh)	52,1	91,7	157,9	209,2

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2019: <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp năng lượng trong giai đoạn 2005-2018.

- Tại sao sản phẩm công nghiệp nước ta ngày càng đa dạng và chất lượng được nâng cao?

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài**
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.**

Họ và tên Thí sinh:.....SBD.....

Giám thị coi thi:

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
MÔN ĐỊA LÝ - KHỐI 11

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm	
I	1	<i>Quy luật địa đới thể hiện qua sự phân bố sinh vật nước ta như thế nào?</i>	1,50	
		- Nêu khái niệm quy luật địa đới	0,25	
		- Biểu hiện: TP SV phong phú, các loài nhiệt đới là chủ yếu, có sự phân hóa Bắc-Nam ...	0,25	
		- Phần lãnh thổ phía Bắc		
		+ Cảnh quan phổ biến là đới rừng gió mùa nhiệt đới	0,25	
		+ Thành phần loài: Ngoài các loài nhiệt đới có cả các cây cận nhiệt và ôn đới. trồng rau vụ đông	0,25	
			- Phần lãnh thổ phía Nam	
			+ Cảnh quan phổ biến đới rừng gió mùa cận xích đạo gió mùa	0,25
			+ Thành phần sinh vật phần lớn thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới từ phương nam đi lên hoặc từ phương tây di cư sang. Trong rừng xuất hiện nhiều loại cây chịu hạn rụng lá vào mùa khô. Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn, bò sát...	0,25
	2	<i>Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy so sánh sự khác biệt trong chế độ nhiệt giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc của nước ta. Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?</i>		1,50
- Khái quát 2 vùng			0,25	
- Sự khác biệt trong chế độ nhiệt của Đông Bắc và Tây Bắc				
+ Nhiệt độ TB năm và nhiệt độ trung bình tháng 7: Đông Bắc lớn hơn Tây Bắc (d/c)			0,25	
+ Nhiệt độ trung bình tháng 1: Đông Bắc nhỏ hơn Tây Bắc (d/c)			0,25	
+ Biên độ nhiệt : Đông Bắc lớn hơn Tây Bắc (d/c)			0,25	
		- Giải thích :		
		+ Do tác động của gió mùa và địa hình: (Diễn giải: Nhiệt độ TB năm và nhiệt độ trung bình tháng 7 Đông Bắc lớn hơn Tây Bắc do Tây Bắc là vùng núi cao nhất nước ta, có sự hạ thấp nhiệt độ theo độ cao, còn Đông Bắc là vùng đồi núi thấp. Nhiệt độ trung bình tháng 1 ở Đông Bắc nhỏ hơn Tây Bắc do vùng Đông Bắc có các dãy núi hình vòng cung mở rộng ở phía Bắc, chụm đầu ở Tam Đảo trở thành hành lang hút gió mùa đông bắc chịu tác động mạnh nhất của gió mùa đông bắc, có mùa đông lạnh nhất nước ta	0,25	
		Vùng Tây Bắc có dãy Hoàng Liên Sơn có hướng tây bắc – đông nam gần như vuông góc với gió mùa đông bắc nên đã ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa đông bắc).		
		+ Biên độ nhiệt của Đông Bắc lớn hơn Tây Bắc do chênh lệch giữa tháng cao nhất và thấp nhất ở Đông Bắc lớn hơn Tây Bắc	0,25	
II	1	<i>Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích về tổng số lao động và tình hình sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế.</i>	1,00	
		* Nhận xét:		
		- Tổng số lao động tăng, số lao động các TPKT thay đổi (CMSL)	0,25	
		- Cơ cấu sử dụng LĐ có sự thay đổi (CMSL)	0,25	
		* Giải thích:		
		- Số lao động tăng do dân số đông, cơ cấu trẻ, dự trữ lao động lớn.	0,25	
		- Cơ cấu thay đổi do tốc độ tăng nguồn lao động ở các TPKT khác nhau (hệ quả của công cuộc đổi mới...)	0,25	
	2	<i>Phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo giới và các vấn đề kinh tế xã hội của nước ta.</i>	1,00	

		<p>* Cơ cấu dân số theo giới tác động đến kinh tế xã hội: Tỉ số giới tính ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế xã hội... (VD CM: tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh hiện nay sẽ ảnh hưởng lớn tới các hoạt động KT-XH trong thời gian 10-20 năm tới)</p> <p>* Các vấn đề KT – XH tác động đến cơ cấu theo giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả của chiến tranh kéo dài + Trình độ kinh tế xã hội ngày càng phát triển, công tác bình đẳng giới thực hiện tốt => tỉ số giới tính thấp hơn so với các nước đang phát triển. 0,25 - Ở nhiều địa phương, tư tưởng cũ còn tồn tại, chính sách dân số hạn chế số con cùng với tiến bộ y học => tỉ số giới tính khi sinh cao (mất cân bằng giới tính khi sinh) => cơ cấu giới tính nước ta đang tiến tới cân bằng... 0,25 - Ở một số địa phương, di cư tác động đến tỉ số giới tính của từng vùng (VD CM: Đông Nam Bộ tỉ lệ nữ cao gắn với SX CN...) 0,25 	0,25
	3	<p><i>Dựa vào atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày và giải thích đặc điểm mạng lưới đô thị nước ta.</i></p> <p>* Nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: khá nhiều. Qui mô: chủ yếu là đô thị qui mô nhỏ và trung bình (dẫn chứng) - Phân cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Phân làm 5 cấp (dẫn chứng) + Phần lớn là loại 3,4; loại 1 và 2 hạn chế - Chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ yếu là chức năng hành chính + Một số đô thị có chức năng tổng hợp: HN, TP HCM (kinh tế, hành chính, CN và DV...) + Chức năng khác: công nghiệp, du lịch... - Phân bố: <ul style="list-style-type: none"> + Không đều giữa các vùng (dẫn chứng) + Trong mỗi vùng (dẫn chứng) <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền kinh tế chậm phát triển, xuất phát điểm nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, CN-DV chưa phát triển mạnh. - Lí do khác: chịu ảnh hưởng chiến tranh kéo dài, sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và KT-XH giữa các vùng. 	1,00
		<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: khá nhiều. Qui mô: chủ yếu là đô thị qui mô nhỏ và trung bình (dẫn chứng) 0,50 - Phân cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Phân làm 5 cấp (dẫn chứng) + Phần lớn là loại 3,4; loại 1 và 2 hạn chế - Chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ yếu là chức năng hành chính + Một số đô thị có chức năng tổng hợp: HN, TP HCM (kinh tế, hành chính, CN và DV...) + Chức năng khác: công nghiệp, du lịch... - Phân bố: <ul style="list-style-type: none"> + Không đều giữa các vùng (dẫn chứng) + Trong mỗi vùng (dẫn chứng) <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền kinh tế chậm phát triển, xuất phát điểm nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, CN-DV chưa phát triển mạnh. - Lí do khác: chịu ảnh hưởng chiến tranh kéo dài, sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và KT-XH giữa các vùng. 	0,50
III	1	<p><i>Dựa vào atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh sản xuất lúa của nước ta đạt nhiều thành tựu.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa là cây lương thực giữ vai trò chủ đạo (dẫn chứng) 0,25 - Sản lượng, năng suất lúa tăng liên tục, diện tích giảm dần đây tăng nhẹ, chất lượng sản phẩm tốt...(dẫn chứng) 0,25 - Đảm bảo an ninh lương thực, trở thành nước xuất khẩu gạo lớn (dẫn chứng) 0,25 - Hình thành các vùng trọng điểm sản xuất lúa, cơ cấu mùa vụ thay đổi hợp lí...(dẫn chứng) 0,25 	1,00
	2	<p><i>Phân tích các yếu tố tác động đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu khác nhau và ngày càng cao của thị trường (diễn giải) 0,25 - Điều kiện nuôi trồng khác nhau ở các địa phương (diễn giải) 0,25 - Diện tích mặt nước cho nuôi trồng thủy sản được mở rộng thêm (diễn giải) 0,25 - Các yếu tố khác:(khoa học kĩ thuật, trình độ lao động, vốn đầu tư...) 0,25 <p>(Nếu không diễn giải chỉ đc ½ số điểm)</p>	1,00

IV	1	<i>Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp năng lượng.</i>	1,00
		<ul style="list-style-type: none"> - Các sản phẩm có tốc độ tăng trưởng khác nhau (CMSL) do chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là thị trường. 0,25 - Điện tăng nhanh nhất do nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và đời sống, có rất nhiều nhà máy đã được xây dựng và đi vào hoạt động.. 0,25 - Than giai đoạn 2005-2010 tăng nhanh do công nghệ hiện đại và nhu cầu thị trường lớn; giai đoạn sau có xu hướng giảm theo xu hướng chung của các ngành công nghiệp khai thác, chịu sự cạnh tranh của những nguồn năng lượng mới, thị trường biến động, tài nguyên cạn dần... 0,25 - Dầu thô tăng giảm không ổn định do cạn kiệt tài nguyên, chịu sự tác động mạnh bởi giá dầu thế giới và một số biến động thị trường trong nước. 0,25 	
	2	<i>Tại sao sản phẩm công nghiệp nước ta ngày càng đa dạng và chất lượng được nâng cao?</i>	1,00
		<ul style="list-style-type: none"> - Do tác động của yếu tố thị trường, do sự đa dạng của tài nguyên thiên nhiên (diễn giải) 0,25 - Do được đầu tư lớn trong và ngoài nước, tập trung đổi mới trang thiết bị và công nghệ (diễn giải) 0,25 - Do trình độ lao động ngày càng được nâng cao (diễn giải) 0,25 - Các nguyên nhân khác:....(thành tựu KHKT, đường lối phát triển công nghiệp...) 0,25 	
Câu I + II + III + IV = 10,00 điểm			

----- Hết -----

